TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **147**/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17-9-2025
V/v: "*Tranh chấp ly hôn".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hạnh
2. Bà Lưu Kim Sáng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Nai.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai***: Ông Trương Tùng Sơn – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 695/2025/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 về việc *"Tranh chấp ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 114/2025/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Đỗ Thị Thủy T, sinh năm 1993;
Địa chỉ: khu phố H, xã C, tỉnh Đồng Nai;

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn C, sinh năm 1993;
Địa chỉ: tổ A, khu phố D, phường T, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đỗ Thị Thủy T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà T và ông Trần Văn C kết hôn với nhau vào năm 2023 trên cơ sở tự nguyện; có đăng ký kết hôn; được UBND thị trấn L, huyện C; nay là xã L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 22/5/2023.

Sau khi kết hôn bà T và ông C chuyển về sống chung với nhau tại địa chỉ tổ A, khu phố D, phường T.

Quá trình chung sống bà T và ông C thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tình cảm và tiền bạc, bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng

nhất, vì vậy vợ chồng thường xuyên cải vã, dẫn đến xung đột và không tôn trọng lẫn nhau. Cuối tháng 10/2024 bà T và ông C đã sống ly thân, bà T chuyển về nhà ở tại thị trấn L, huyện C.

Nay bà T nhận thấy không còn tình cảm với ông C, quan hệ hôn nhân của hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy bà T yêu cầu Toà án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà T và ông C không có con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án; được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông C đều vắng mặt nên không có lời khai.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành pháp luật tố tụng.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thủy T.

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thủy T được ly hôn với ông Trần Văn C.

+ Về con chung: Không có.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Đỗ Thị Thủy T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Văn C đã được tiệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông C.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp ly hôn", quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thủy T và ông Trần Văn C tự nguyện kết hôn, được UBND thị trấn L, huyện C; nay là xã L, tỉnh Đồng Nai cấp Giấy

chứng nhận kết hôn số 27 ngày 22/5/2023. Căn cứ Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, xác định hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Thủy T và ông Trần Văn C là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông C là trầm trọng, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, hai người đã sống ly thân. Bà T xác định không còn tình cảm với ông C và yêu cầu xin ly hôn với ông C.

Bị đơn ông Trần Văn C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần đến làm việc, tham gia phiên họp công khai chứng cứ, phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông C đều vắng mặt, cũng không có ý kiến phản hồi về các nội dung theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Điều này cho thấy ông C không còn quan tâm đến mối quan hệ hôn nhân với bà T nữa, không có thiện chí hòa giải để vợ chồng hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Do ông C không đến tham gia tố tụng tại Tòa án, không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; căn cứ khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Theo lời trình bày của nguyên đơn, kết quả xác minh tại địa phương và tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Thủy T và ông Trần Văn C là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thủy T về việc xin ly hôn với ông Trần Văn C.

[3.2] Về con chung: Bà Đỗ Thị Thủy T và ông Trần Văn C không có con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Bà T trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, mặt khác chưa có ý kiến trình bày của ông C; nên không xem xét, giải quyết.

[3.4] Về nợ chung: Bà T trình bày không có nợ chung, mặt khác chưa có ý kiến trình bày của ông C; nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Bà Đỗ Thị Thủy T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đồng Nai là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 91, 147, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 8, 9, 19, 51, 56, 58 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 4 Nghị Quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Thủy T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thủy T được ly hôn với ông Trần Văn C.

2. Về con chung: Bà Đỗ Thị Thủy T và ông Trần Văn C không có con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị Thủy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp, theo Biên lai thu số 0006433 ngày 02/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa (cũ); nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Đồng Nai được trừ vào tiền án phí bà T phải chịu. Bà T đã nộp xong.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND KV1-ĐN;
- Phòng THADS KV1-ĐN;
- UBND xã Long Giao, ĐN;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Hạnh **Lưu Kim Sáng** **Phạm Ngọc Quyền**